

14 Tháng Hai 2022



# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

### Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,471.96	-1.98	-1.61	32.02
HNX	421.01	-1.38	-9.82	87.20
UPCOM	110.85	-1.50	-1.22	50.18
MSCI EM	1,240.51	-0.85	-1.35	-13.18
NIKKEI	27,079.59	-2.23	-4.05	-8.40
HANG SENG	24,558.03	-1.40	0.72	-18.61
KOSPI	2,704.48	-1.57	-7.44	-12.78
FTSE	7,661.02	-0.15	1.57	16.26
S&P 500	4,418.64	-1.90	-5.24	12.30
NASDAQ	13,791.15	-2.78	-7.40	-2.16

### Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.77	2.57	15.58
SET INDEX	15.19	1.79	7.89
JCI INDEX	23.45	2.22	8.28
PCOMP INDEX	24.19	1.80	7.72

### Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.92	-1	0	-11
10 năm	2.14	-1	5	-9

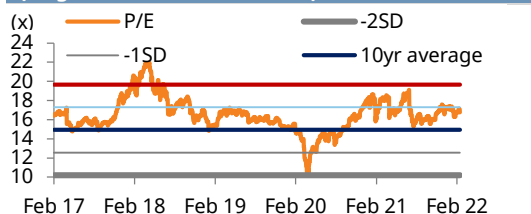
### Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,730	-0.15	-0.08	1.17
US\$/KRW	1,194	0.40	-0.54	-7.73
US\$/JPY	115	0.08	-0.99	-8.63
US\$/EUR	0.88	0.14	0.72	7.01
US\$/GBP	0.74	0.26	1.11	2.79
US\$/SGD	1.35	0.02	0.07	-1.76

### Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	793	907	920
HNX	85	90	131
UPCOM	61	58	70

### Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



### Nhận định thị trường

#### Bán tháo vào cuối phiên

Mở đầu phiên giao dịch đầu tuần, thị trường chứng khoán Việt Nam nhanh chóng chìm trong sắc đỏ trước áp lực giảm điểm từ các thị trường chứng khoán Châu Á. Thông tin về FED có thể tăng lãi suất nhanh hơn dự kiến ngay trong tuần này, cũng như tình hình chính trị căng thẳng tại Ukraine khiến giới đầu tư Châu Á mạnh tay bán tháo, qua đó tác động tiêu cực đến VN-Index. Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-index đóng cửa tại 1.472 điểm, rơi 30 điểm, tương ứng 2% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn với giá trị lần lượt là HOSE: 25.920 tỷ đồng, HNX: 2.286 tỷ đồng, UPCOM: 1.630 tỷ đồng.

Phiên giao dịch giảm điểm mạnh với hàng loạt cổ phiếu giảm sâu. Chịu ảnh hưởng nặng nhất phải kể đến nhóm Ngân hàng với hàng loạt Blue-chip mất đến 6%-7% như CTG, MBB, HDB, STB, TPB. Nhóm Bất động sản cũng chịu ảnh hưởng chung nhưng điều chỉnh ở mức nhẹ hơn. Ở chiều ngược lại, họ Dầu khí tiếp tục được hưởng lợi khi giá dầu tiệm cận mức 100USD/thùng khi PVD, PVS, GAS, OIL, PLX đều chuyển sắc xanh. Bên cạnh đó, nhóm Thủy sản với ANV, CMX, IDI, FMC tiếp tục là điểm sáng khi ngược chiều thị trường và bật tăng mạnh mẽ từ 3%-7%.

Khối ngoại hôm nay bán ròng nhẹ với giá trị gần 280 tỷ đồng, trong đó tập trung vào HPG, HDB, VIC với giá trị lần lượt là 174, 161 và 132 tỷ đồng.

Phiên giảm điểm mạnh kéo các điểm số kỹ thuật của VN-Index suy giảm. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đã quay về mức +2, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 16,8x.

**Trần Duy Lam**, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

#### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (14/02/2022)	Kháng cự 1	<b>1.520</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	<b>1.580</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	<b>1.480</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	<b>1.430</b>

VN-Index thủng hỗ trợ 1.480. Vùng hỗ trợ ngắn hạn trước mắt nằm ở 1.440-1.450

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

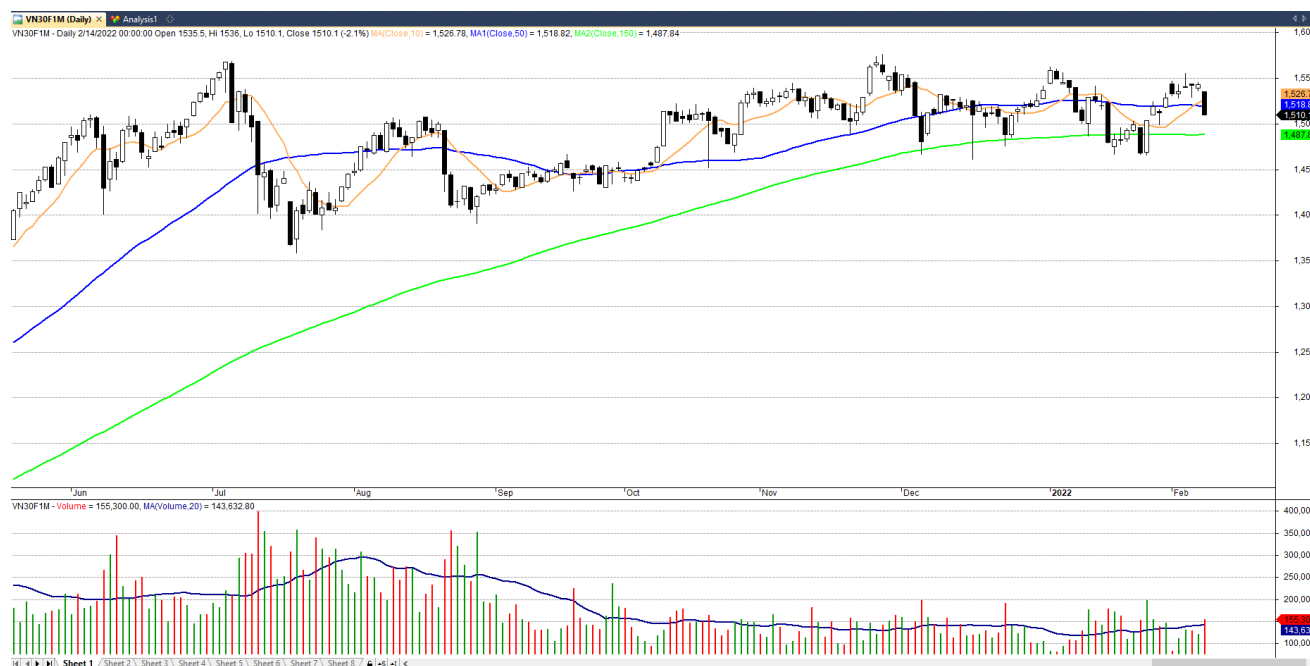
## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (14/02/2022)	1.510	Kháng cự 1	<b>1.580</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	<b>1.630</b>
VN30 - đóng cửa	1.505	Hỗ trợ 1	<b>1.520</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>+5</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.480</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	<b>-1</b>	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	<b>+1</b>	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	<b>0</b>	TRUNG TÍNH

VN30F1M xuất hiện dạng nến đảo chiều, điểm kỹ thuật chuyển hết sang mức trung tính.

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
VJC	Hàng không	140,000	796,110	76	5	
HAH	Kho bãi, hậu cần	73,200	717,720	89	7	
BWE	Nước	47,850	326,380	90	7	Top sức mạnh ngành
SAB	Sản xuất bia	167,900	161,275	99	7	Top sức mạnh ngành
FMC	Thủy sản	54,300	96,890	97	5	Top sức mạnh ngành
VHC	Thủy sản	73,100	856,995	97	5	Top sức mạnh ngành

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

## ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
BSR	27.5	12,347,400	7	KHẢ QUAN	85,264	#N/A N/A	2.7	340
PVS	29.8	8,774,860	7	KHẢ QUAN	14,243	23.7	1.2	261
ITA	16.55	13,451,015	7	KHẢ QUAN	15,529	53.2	1.4	223
NKG	39.8	4,462,175	7	KHẢ QUAN	8,732	3.7	1.5	178
GAS	116	1,059,000	7	KHẢ QUAN	222,018	26.5	4.3	123
VIX	28.4	4,126,620	7	KHẢ QUAN	7,799	8.6	2.6	117
PHR	84.6	700,095	7	KHẢ QUAN	11,463	21.2	3.8	59
HAH	73.2	717,720	7	KHẢ QUAN	3,571	8.3	2.3	53
PVT	23.2	2,183,185	7	KHẢ QUAN	7,509	11.2	1.5	51
KBC	56.9	9,269,300	6	KHẢ QUAN	32,419	35.7	2.3	527
POW	17.7	21,051,484	6	KHẢ QUAN	41,451	23.3	1.4	373
DXG	35	9,315,225	6	KHẢ QUAN	20,861	18.0	2.4	326
NLG	52.3	5,007,395	6	KHẢ QUAN	20,028	16.4	2.2	262
HSG	36.3	6,110,725	6	KHẢ QUAN	17,913	4.2	1.6	222
VCI	56.9	3,038,060	6	KHẢ QUAN	18,948	12.6	2.9	173
IDC	67.4	2,262,825	6	KHẢ QUAN	20,220	37.1	5.0	153
MSN	151.6	859,345	6	KHẢ QUAN	178,969	20.9	5.5	130
FRT	98.1	1,106,715	6	KHẢ QUAN	7,748	17.5	4.7	109
FPT	91	1,187,330	6	KHẢ QUAN	82,587	20.9	4.6	108
DCM	29.3	3,626,825	6	KHẢ QUAN	15,511	8.8	2.0	106
HVN	26.4	3,955,005	6	KHẢ QUAN	58,460	#N/A N/A	24.4	104
KDH	52.7	1,657,210	6	KHẢ QUAN	33,883	28.8	3.3	87
DBC	74	1,071,810	6	KHẢ QUAN	8,528	10.3	1.8	79
VGX	25.4	3,084,200	6	KHẢ QUAN	12,700	44.6	2.1	78
DGW	110.3	664,335	6	KHẢ QUAN	9,751	14.7	5.5	73
GVR	33.3	1,946,725	6	KHẢ QUAN	133,200	31.3	2.8	65
BCG	22.85	2,663,410	6	KHẢ QUAN	10,198	9.1	1.9	61
VGC	53.7	974,455	6	KHẢ QUAN	24,076	19.6	3.4	52
VJC	140	796,110	5	KHẢ QUAN	75,826	61.7	4.5	111
GMD	48.9	1,524,820	5	KHẢ QUAN	14,737	26.5	2.3	75

VHC	73.1	856,995	5	KHẢ QUAN	13,300	12.1	2.3	63
HPG	46.2	19,343,644	4	KHẢ QUAN	206,649	6.0	2.3	894
VND	68	5,928,945	4	KHẢ QUAN	29,576	10.9	3.0	403
PDR	89.5	3,569,250	4	KHẢ QUAN	44,103	23.8	6.3	319
SHS	40.1	5,234,055	4	KHẢ QUAN	13,043	8.7	2.2	210
DPM	45.7	3,415,570	4	KHẢ QUAN	17,884	5.8	1.7	156
PLX	60.2	1,926,460	4	KHẢ QUAN	76,490	25.8	3.1	116
KDC	54.7	1,969,405	4	KHẢ QUAN	13,764	23.4	2.1	108
SZC	78.2	1,276,140	4	KHẢ QUAN	7,820	25.9	5.3	100
AAA	17.35	5,723,895	4	KHẢ QUAN	5,664	17.3	1.2	99
SBT	22.45	4,020,375	4	KHẢ QUAN	14,124	20.5	1.7	90
JJC	29.1	2,969,665	4	KHẢ QUAN	6,318	10.7	1.9	86
PAN	30.1	2,658,635	4	KHẢ QUAN	6,288	21.3	1.5	80
PNJ	104.6	704,335	4	KHẢ QUAN	23,783	23.0	4.0	74
KSB	42.45	2,405,120	3	TRUNG TÍNH	3,239	14.3	1.7	102
TCB	51.5	11,221,765	2	TRUNG TÍNH	180,812	10.0	2.0	578
DIG	73.8	6,912,280	2	TRUNG TÍNH	36,892	36.5	5.0	510
SSI	43.6	11,327,205	2	TRUNG TÍNH	42,849	15.8	3.0	494
LPB	24.1	12,925,950	2	TRUNG TÍNH	29,007	9.9	1.7	312
VCG	42.7	7,190,505	2	TRUNG TÍNH	18,861	37.5	3.0	307
SHB	22	12,925,955	2	TRUNG TÍNH	58,671	11.1	1.6	284
SCR	19.3	9,847,785	2	TRUNG TÍNH	7,071	37.8	1.5	190
LDG	16.05	11,182,450	2	TRUNG TÍNH	3,843	28.8	1.2	179
TCH	20.3	8,682,770	2	TRUNG TÍNH	13,565	19.3	1.5	176
ROS	7.45	20,373,164	2	TRUNG TÍNH	4,229	44.5	0.7	152
MWG	132	854,900	2	TRUNG TÍNH	94,094	19.0	4.6	113
HCM	36.95	2,827,490	2	TRUNG TÍNH	16,894	13.2	2.3	104
DGC	141.1	619,155	2	TRUNG TÍNH	24,139	10.8	4.0	87
FIT	13	5,591,685	2	TRUNG TÍNH	3,415	20.5	1.0	73
HUT	23	2,120,915	2	TRUNG TÍNH	8,019	146.7	2.1	49
VPB	35	13,419,900	0	TRUNG TÍNH	155,592	13.1	2.0	470
TPB	40	9,086,785	0	TRUNG TÍNH	63,270	12.1	2.4	363
FLC	11.65	28,217,750	0	TRUNG TÍNH	8,271	101.7	0.9	329
VRE	33	8,569,670	0	TRUNG TÍNH	74,987	57.0	2.4	283
LCG	19.2	7,122,685	0	TRUNG TÍNH	3,310	15.3	1.4	137
FCN	23.3	5,703,635	0	TRUNG TÍNH	3,668	27.7	1.3	133
VIB	45.9	2,455,310	0	TRUNG TÍNH	71,289	11.3	2.9	113
HQC	7	15,302,660	0	TRUNG TÍNH	3,336	792.2	0.8	107
TTF	12.75	5,716,865	0	TRUNG TÍNH	5,018	452.2	9.1	73
BCM	78.9	685,440	0	TRUNG TÍNH	81,662	69.2	5.2	54
DLG	6.8	7,096,870	0	TRUNG TÍNH	2,035	127.0	0.9	48
DPG	59.5	805,530	0	TRUNG TÍNH	3,748	10.4	2.8	48
ACB	34	8,196,120	-1	TRUNG TÍNH	91,866	9.6	2.0	279
CEO	58.5	6,887,115	-2	TRUNG TÍNH	15,054	161.6	5.0	403
VHM	78.1	5,104,970	-2	TRUNG TÍNH	340,076	8.6	2.6	399
HBC	26.1	9,121,740	-2	TRUNG TÍNH	6,412	64.3	1.7	238
HDB	29.2	5,922,860	-2	TRUNG TÍNH	58,757	9.6	2.0	173
VNM	81.1	2,052,095	-2	TRUNG TÍNH	169,495	18.0	5.1	166

PVX	7.3	11,163,830	-2	TRUNG TÍNH	2,920	#N/A N/A	14.0	81
OIL	18.8	3,476,300	-2	TRUNG TÍNH	19,444	#N/A N/A	2.0	65
HDC	77.8	632,975	-2	TRUNG TÍNH	6,727	21.2	4.6	49
STB	32.85	32,348,530	-3	TRUNG TÍNH	61,929	17.6	1.8	1,063
MBB	32	21,608,356	-3	TRUNG TÍNH	120,906	9.5	2.0	691
HNG	8.9	14,634,210	-3	TRUNG TÍNH	9,866	175.2	1.5	130
VIC	81.8	4,117,215	-4	TIÊU CỰC	311,980	#N/A N/A	2.7	337
PVD	31	9,081,645	-4	TIÊU CỰC	13,055	837.1	1.0	282
HHV	23.6	8,031,490	-4	TIÊU CỰC	6,310	#N/A N/A	1.0	190
VPI	60.4	1,401,885	-4	TIÊU CỰC	13,288	37.3	4.1	85
VHG	8.4	8,418,145	-4	TIÊU CỰC	1,260	#N/A N/A	6.6	71
L14	360	159,265	-4	TIÊU CỰC	9,660	45.0	17.7	57
CTG	34.6	14,610,160	-5	TIÊU CỰC	166,279	11.8	1.8	506
BID	44.75	4,555,180	-5	TIÊU CỰC	226,369	21.4	2.7	204
NVL	78	2,443,525	-5	TIÊU CỰC	150,573	40.8	4.3	191
VCB	86	1,987,370	-5	TIÊU CỰC	406,996	17.2	3.7	171
NBB	28	2,833,240	-5	TIÊU CỰC	2,804	8.7	1.5	79
GEX	35.5	17,161,496	-6	TIÊU CỰC	30,228	24.9	2.5	609
TSC	16.95	4,142,790	-6	TIÊU CỰC	2,503	21.8	1.5	70
HAG	11.55	25,037,136	-7	TIÊU CỰC	10,711	58.1	2.4	289
CII	26.25	9,704,290	-7	TIÊU CỰC	6,273	#N/A N/A	1.3	255
CTD	92.8	773,825	-7	TIÊU CỰC	6,854	298.9	0.8	72

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Đề xuất mở cửa du lịch quốc tế hai chiều từ 15/3

Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch vừa trình Thủ tướng phương án mở cửa hoạt động du lịch đảm bảo an toàn, hiệu quả trong bối cảnh bình thường mới. Theo đó, Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch đưa ra phương án, từ nay đến 14/3, tiếp tục triển khai chương trình thí điểm giai đoạn 2 đón khách du lịch quốc tế đến Việt Nam. Từ 15/3, mở lại hoạt động du lịch quốc tế và nội địa trong bối cảnh bình thường mới bằng đường không, đường bộ, đường biển đảm bảo an toàn, phù hợp với thời gian triển khai chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ. Căn cứ tình hình, kết quả phòng chống dịch bệnh Covid-19 và đánh giá kết quả đón khách du lịch quốc tế trong giai đoạn 2 để mở lại bình thường hoạt động du lịch quốc tế và nội địa. Bộ cũng đưa ra các yêu cầu đảm bảo an toàn mở cửa hoạt động du lịch. Cụ thể, thời điểm trước ngày 15/3, đối với hoạt động du lịch quốc tế, quán triệt triển khai theo hướng về tạm thời thí điểm đón khách du lịch quốc tế đến Việt Nam do Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch ban hành. Đối tượng áp dụng trong giai đoạn này gồm có: người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, công dân Việt Nam được tham gia vào chương trình thí điểm đón khách du lịch quốc tế. Phạm vi thí điểm đón khách du lịch thông qua các chuyến bay thuê chuyến hoặc thương mại quốc tế thường lệ đến các địa phương đảm bảo điều kiện đón khách. Khách đến Việt Nam phải tham gia chương trình du lịch trọn gói của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, cơ sở kinh doanh dịch vụ được lựa chọn trong 3 ngày đầu tiên. Kèm theo đó là có chứng nhận tiêm đủ liều vaccine phòng Covid-19 được cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam công nhận hoặc có chứng nhận đã khỏi bệnh Covid-19 hay các giấy tờ tương đương xác nhận đã khỏi bệnh Covid-19 do cơ quan có thẩm quyền tại nước điều trị cấp và được Việt Nam công nhận.

### Đề xuất dừng cấp chủ trương đầu tư dự án điện gió, điện mặt trời chưa triển khai

Bộ Công Thương vừa đề nghị Thủ tướng chỉ đạo các địa phương tạm dừng cấp chủ trương đầu tư với các dự án điện gió, điện mặt trời đã có trong quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được phê duyệt nhưng chưa triển khai tính tới ngày 26/1, để chờ kết quả rà soát trong quá trình xây dựng, hoàn thiện quy hoạch điện VIII theo chỉ đạo của Chính phủ. Đối với các dự án đã được phê duyệt, đã có chủ trương đầu tư đến thời điểm 26/1 và chưa đủ điều kiện áp dụng cơ chế giá bán điện cố định (FIT) theo quyết định 13/2020 và quyết định 39/2018, Bộ Công Thương cũng đề nghị Thủ tướng cho phép chủ đầu tư được đàm phán với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) để xác định giá mua bán điện nằm trong khung giá phát điện do Bộ Công Thương ban hành, với quy trình theo quy định. Theo thống kê của Bộ Công Thương, công suất các dự án điện gió đã được bổ sung quy hoạch hiện là 11.921MW. Trong số này, có 146 dự án đã ký hợp đồng mua bán điện (PPA) với công suất là 8.171,475MW. Các dự án và phần dự án đã đi vào vận hành thương mại (COD) trong giai đoạn từ năm 2011 đến hết ngày 31/10/2021 là 84 dự án với tổng công suất là hơn 3.980 MW. Trong số này có 15 dự án đã COD được một phần công suất là hơn 325 MW và tổng công suất chưa COD là hơn 1.031 MW. Đối với các dự án điện mặt trời, tình hình cũng không có gì đặc biệt khi tới hết ngày 31/12/2020 đã có 148 dự án đã được công nhận COD với tổng công suất là hơn 8.652 MW. Con số này cũng còn kém xa tổng số công suất điện mặt trời đã được bổ sung quy hoạch là 15.400 MW./.

### TCO: lần đầu báo lỗ

Theo BCTC hợp nhất quý IV, Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (HoSE: TCO) ghi nhận doanh thu thuần hơn 127 tỷ đồng, gấp 2,7 lần nhờ nguồn thu từ thương mại, dịch vụ tăng từ 8 tỷ lên hơn 112,7 tỷ. Trong khi, quý cuối năm ngoái không phát sinh doanh thu kho CFS; các mảng kinh doanh khác như vận tải, bãi cũng kém khả quan hơn quý IV/2020. Tuy nhiên, giá vốn gấp hơn 3 lần đã kéo giảm biên lãi gộp từ 23% xuống còn 6%. Lãi tiền gửi, cho vay đạt gần 4 tỷ đồng, cùng kỳ khoảng 469 triệu đồng; chi phí tài chính tăng từ 19 triệu lên 379 triệu đồng. Các chi phí hoạt động cũng tăng mạnh, đáng chú ý

chi phí quản lý gấp 7 lần lên hơn 41 tỷ do công ty trích toàn bộ khoản chênh lệch lợi thế thương mại từ việc mua cổ phần của Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia vào chi phí. Kết quả, lỗ sau thuế 31,5 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lãi gần 5 tỷ đồng. Đây cũng là lần đầu tiên công ty báo lợi nhuận âm kể từ khi công bố BCTC năm 2008, tức sau hơn thập kỷ. Tính chung cả năm 2021, doanh thu thuần tăng 42% lên gần 243 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt gần 45 tỷ đồng, gấp 2,5 lần. EPS tăng 124% lên 2.398 đồng do cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ tăng từ 16,7 triệu lên hơn 18,7 triệu đơn vị sau khi bán cổ phiếu quỹ.

### **POW: lợi nhuận dự kiến vào mức 1.012 tỷ đồng trong năm 2022**

Trong buổi làm việc với Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam) Lê Mạnh Hùng, ông Lê Như Linh, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power, mã chứng khoán: POW) đã báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh tháng 1/2022, kế hoạch và giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2022. Cụ thể, trong năm 2022, PV Power đặt mục tiêu tổng sản lượng điện dự kiến là 13,9 tỷ kWh, tổng doanh thu là 24.242 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế theo kế hoạch đề ra là 1.012 tỷ đồng. So với thực hiện trong năm 2021 là 2.319 tỷ, kế hoạch này của POW đi lùi hơn 56%. Theo ông Linh, PV Power sẽ tiếp tục thực hiện tốt công tác AT-SK-MT, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh Covid-19 đảm bảo an toàn cho toàn thể CBCNV, các nhà máy điện (NMD). Đồng thời, tiếp tục triển khai các nội dung còn tồn tại trong năm 2021 như phân bổ khí ở các NMD: Nhơn Trạch 1, Cà Mau 1&2; quyết toán Thủy điện Đăkđrinh. Mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2022 của PV Power là quản lý vận hành sản xuất các nhà máy điện đảm bảo thiết bị khả dụng cao, vận hành an toàn, ổn định; chủ động phối hợp chặt chẽ với Cục ĐTĐL, EVN/A0, các nhà cung cấp nhiên liệu đáp ứng đủ khí/than/dầu cho sản xuất, đáp ứng tối đa yêu cầu huy động của EVN/A0; bám sát thị trường điện để chào giá vận hành trên cơ sở tối ưu hiệu quả để hoàn thành các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận kế hoạch.

### **IDC: hồi tố gần 570 tỷ đồng lợi nhuận từ KCN Mỹ Xuân A vào quý IV/2020**

Tổng công ty Idico (HNX: IDC) ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất quý IV/2021 giảm 44% xuống 1.114 tỷ đồng. Giá vốn giảm ít hơn nên lợi nhuận gộp giảm mạnh 79% xuống 188 tỷ đồng. Doanh thu tài chính gấp 4,4 lần lên gần 172 tỷ đồng, chủ yếu đến từ 130,5 tỷ lãi kinh doanh chứng khoán cùng hơn 41 tỷ lãi tiền gửi. Ngược lại, đơn vị lỗ hơn 52,5 tỷ trong công ty liên kết, trong khi cùng kỳ lãi hơn 31,5 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2021, Idico có hơn 123 tỷ đồng đầu tư chứng khoán kinh doanh phát sinh trong quý IV (không thuyết minh), cùng 2.045 tỷ khoản tiền gửi có kỳ hạn với lãi suất 3-6,5%/năm tại ngân hàng thương mại – gấp đôi thời điểm đầu năm. Giá trị đầu tư tại công ty liên kết giảm từ 690 tỷ đầu năm xuống 92 tỷ đồng. Nguyên nhân chính đến từ việc rút 265,2 tỷ vốn tại Thủy điện Đăk Mi và 265,8 tỷ tại Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ. Chi phí tài chính gấp 3,2 lần, lên 168 tỷ đồng, chủ yếu từ trả lãi tiền vay và chi phí kinh doanh chứng khoán. Tính đến 31/12/2021, Idico còn dư vay nợ thuê tài chính ngắn hạn 1.447 tỷ đồng (tăng 859 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm) và dư vay nợ thuê tài chính dài hạn 2.084 tỷ đồng, giảm 82 tỷ đồng so với đầu kỳ. Chi phí hoạt động cũng gấp 3,2 lần lên 168,7 tỷ đồng, phần lớn do trả lãi tiền vay và chi phí kinh doanh chứng khoán. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý cũng tăng lần lượt 29% và 13% lên 17 tỷ và 66,3 tỷ đồng. Kết quả, doanh nghiệp ghi nhận lãi sau thuế giảm 95% xuống 35,8 tỷ đồng. Phần lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ âm hơn 998 triệu đồng. Đây là lần đầu công ty báo lỗ ròng kể từ khi công bố BCTC (năm 2015).

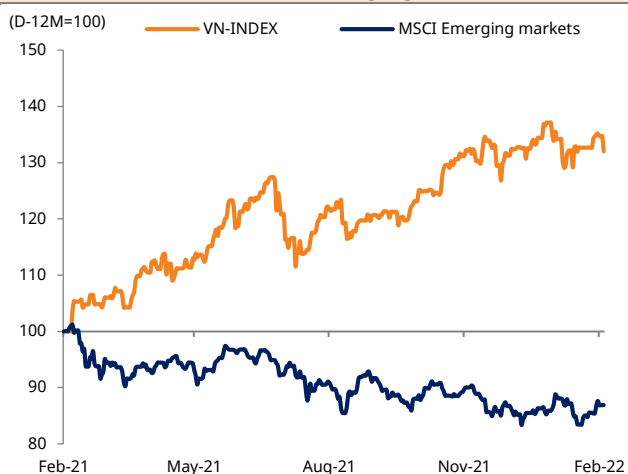
### **TAR: hoàn thành mục tiêu lợi nhuận 105 tỷ đồng năm 2021**

Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (HNX: TAR) công bố BCTC hợp nhất quý IV với doanh thu tăng 90% lên 1.165 tỷ đồng. Giá vốn tăng thấp hơn nên lợi nhuận gộp gấp 3,3 lần đạt 112 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp ghi nhận 9,6%, tăng đáng kể so với mức 5,5% cùng kỳ năm trước. Chi phí tài chính tăng 40%, chi phí bán hàng gấp 8 lần và chi phí quản lý giảm 25%. Theo đó, doanh nghiệp gộp ghi nhận lợi nhuận sau thuế



cổ đông công ty mẹ 40 tỷ đồng, gấp 5,3 lần cùng kỳ năm trước và là mức cao nhất từ khi công khai BCTC quý. Cả năm, Trung An báo cáo doanh thu tăng 15% đạt 3.120 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp tăng từ 7,9% lên 9%. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ tăng 21% lên 101 tỷ đồng. So với kế hoạch năm, doanh nghiệp không hoàn thành mục tiêu doanh thu 3.500 tỷ đồng nhưng cơ bản hoàn thành mục tiêu lợi nhuận 105 tỷ đồng.

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



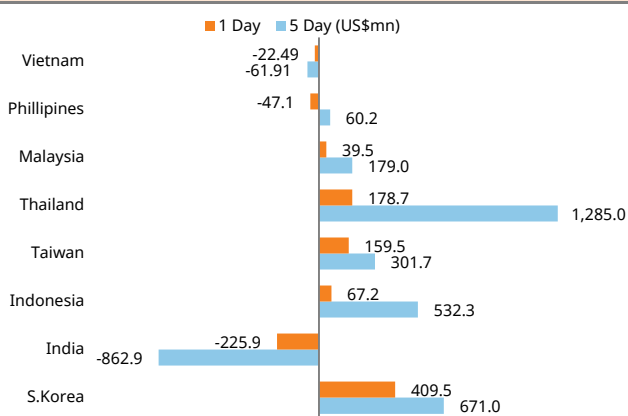
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



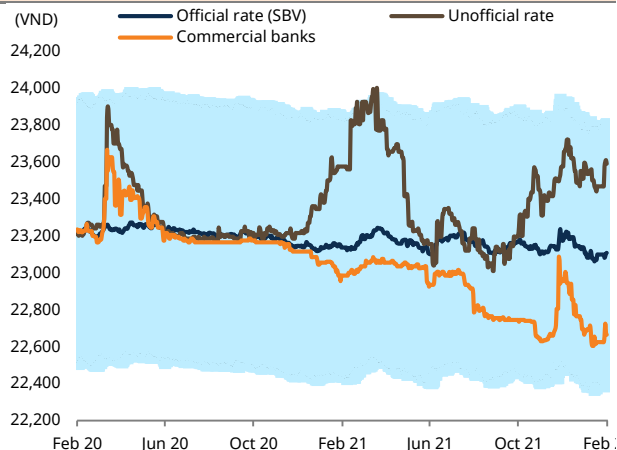
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



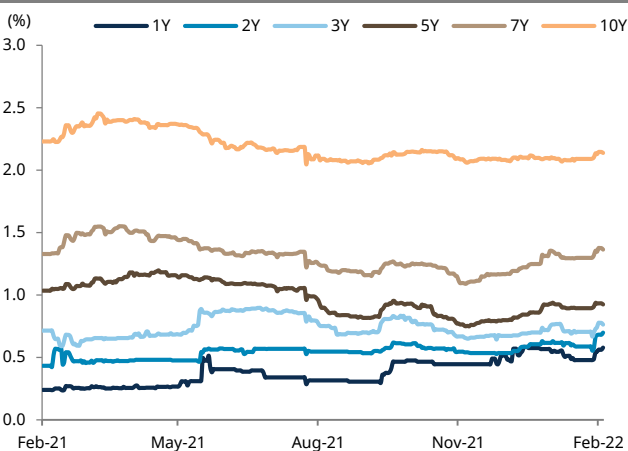
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



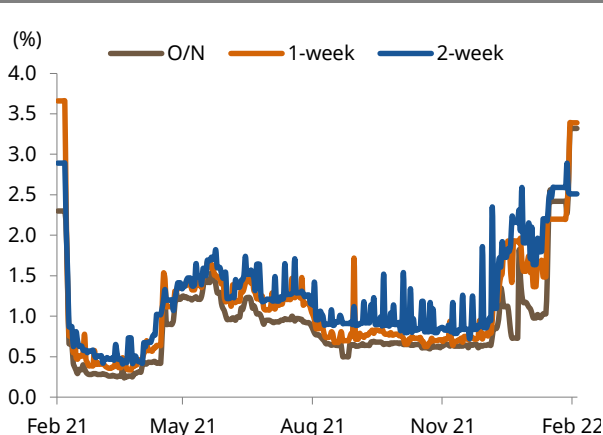
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,505.07</b>	<b>4,073,141</b>		<b>-2.6</b>	<b>-2.3</b>	<b>-1.2</b>	<b>33.3</b>	<b>14.5</b>	<b>12.2</b>	<b>2.6</b>	<b>2.2</b>	<b>35.0</b>	<b>19.1</b>	<b>23.0</b>	<b>20.3</b>
Asia Commercial Bank	ACB VN	34,000	91,866	30.0	-4.8	-2.0	2.9	48.9	9.6	7.4	2.0	1.6	26.5	29.3	23.9	24.2
BIDV	BID VN	44,750	226,369	16.8	-6.6	-5.6	1.1	37.9	21.4	18.4	2.7	2.3	81.7	16.5	13.2	16.0
Bao Viet Holdings	BVH VN	54,200	40,234	26.4	-1.6	-2.3	0.0	-9.5	21.4	18.3	1.9	1.7	20.9	16.7	9.1	10.1
VietinBank	CTG VN	34,600	166,279	26.0	-6.0	-4.7	-2.4	26.2	11.8	9.1	1.8	1.5	2.9	29.9	15.9	18.9
FPT Corp	FPT VN	91,000	82,587	49.0	-0.7	1.7	-0.3	40.3	20.9	16.0	4.6	3.8	21.4	31.1	23.4	25.6
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	116,000	222,018	2.9	4.5	1.1	10.0	42.7	26.6	18.8	4.3	4.0	8.1	41.5	17.4	22.3
Vietnam Rubber Group	GVR VN	33,300	133,200	0.5	-1.9	3.4	-6.7	38.5	31.3	26.4	2.8	#N/A	12.8	18.6	8.9	9.9
HDBank	HDB VN	29,200	58,757	17.4	-6.4	-6.1	-4.6	51.5	9.6	8.8	2.0	1.6	42.5	9.0	23.3	20.4
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	46,200	206,649	23.5	-2.0	7.3	-0.1	49.2	6.0	6.5	2.3	1.6	170.6	-7.9	46.1	29.4
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	52,700	33,883	32.8	-0.2	4.2	-1.5	81.7	29.4	22.4	3.3	3.2	-4.4	31.3	12.2	15.6
MBBank	MBB VN	32,000	120,906	23.2	-5.7	-5.3	7.9	74.5	9.5	8.3	2.0	1.6	53.0	14.4	23.6	22.3
Masan Group Corp	MSN VN	151,600	178,969	28.7	1.2	2.5	4.7	70.9	20.9	29.1	5.5	6.0	589.7	-28.2	35.1	20.7
Mobile World Investment Corp	MWG VN	132,000	94,094	49.0	-2.4	-1.4	-1.5	52.9	21.2	15.2	4.6	3.9	7.7	39.6	27.3	27.8
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	78,000	150,573	7.2	-0.1	-2.5	-4.9	75.5	42.8	35.7	4.3	4.4	-18.5	20.1	10.6	13.9
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	89,500	44,103	2.8	-0.7	-1.6	-2.5	75.1	23.4	#N/A	6.3	#N/A	60.9	#N/A	30.7	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	60,200	76,490	17.2	1.3	2.6	9.5	13.6	26.5	19.2	3.1	3.1	230.7	38.0	12.3	16.3
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	104,600	23,783	47.7	-0.2	-2.5	11.4	25.1	23.0	17.1	4.0	3.5	5.5	34.3	18.3	22.8
PetroVietnam Power Corp	POW VN	17,700	41,451	2.6	-3.3	-0.8	0.0	43.3	23.3	20.0	1.4	1.2	-23.9	16.6	6.1	6.5
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	167,900	107,671	62.5	5.2	10.4	10.5	-6.8	30.1	26.2	5.1	4.3	-21.7	14.7	17.9	19.0
SSI Securities Corp	SSI VN	43,600	42,849	39.2	-3.3	-4.9	-10.5	107.9	15.7	20.8	3.0	#N/A	114.9	-24.7	22.5	13.7
Sacombank	STB VN	32,850	61,929	18.5	-6.9	-7.7	-6.1	81.0	17.7	14.9	1.8	1.6	48.8	18.9	10.8	11.9
Techcombank	TCB VN	51,500	180,812	22.5	-4.1	-2.5	3.5	43.1	10.0	8.8	2.0	1.6	46.3	14.0	21.7	20.4
Tien Phong Bank	TPB VN	40,000	63,270	29.7	-6.7	-4.1	-4.5	101.1	12.1	9.9	2.4	2.0	30.7	23.0	22.6	21.1
Vietcombank	VCB VN	86,000	406,996	23.6	-4.4	-6.9	3.1	12.9	14.6	16.4	3.7	2.9	68.6	-11.3	21.4	20.6
Vinhomes JSC	VHM VN	78,100	340,076	23.9	-2.0	-5.0	-5.0	4.9	8.6	9.5	2.6	2.2	41.6	-9.2	36.4	26.5
Vingroup JSC	VIC VN	81,800	311,980	13.4	0.1	-10.3	-17.3	-13.3	NA	59.1	2.7	3.2	-154.2	-269.8	-3.1	5.7
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	140,000	75,826	16.5	5.4	7.4	14.8	8.5	471.4	40.9	#N/A	#N/A	126.7	1,051.9	1.0	10.1
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	81,100	169,495	54.5	-1.1	-2.9	-4.3	-24.9	18.0	16.0	5.1	4.9	-5.3	12.4	29.3	33.0
VPBank	VPB VN	35,000	155,592	15.2	-4.4	-3.6	0.4	63.6	13.1	10.4	2.0	1.6	12.4	26.0	18.0	16.2
Vincom Retail JSC	VRE VN	33,000	74,987	30.1	-4.6	-7.0	-4.1	4.6	57.0	26.1	2.4	2.3	-44.8	118.9	4.4	9.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>-29.75</b>	<b>5,921,772</b>	<b>-2.0</b>	<b>-1.7</b>	<b>-1.6</b>	<b>32.0</b>	<b>17.2</b>	<b>13.9</b>	<b>2.7</b>	<b>2.3</b>	<b>34.0</b>	<b>23.2</b>	<b>19.9</b>	<b>19.4</b>
Ô tô và phụ tùng	0.00	9,276	0.0	0.4	1.6	31.6	5.9	5.4	1.1	1.0	29.3	9.7	10.8	11.5
Ngân hàng	-25.91	1,874,435	-5.0	-5.0	1.3	44.7	13.2	9.5	2.0	1.6	11.9	29.9	18.7	19.4
Xây dựng cơ bản	-0.41	307,514	-0.4	0.0	-8.4	105.8	164.4	81.2	12.5	11.4	96.4	11.7	9.6	9.4
May mặc và trang sức	-0.04	51,833	-0.2	1.0	5.1	50.5	12.8	9.8	2.2	1.7	33.6	26.0	16.8	17.1
Dịch vụ tiêu dùng	0.02	9,485	1.1	0.5	6.3	14.7	0.6	23.1	0.2	#N/A	200.2	-126.8	-9.2	2.7
Dịch vụ tài chính	-1.70	161,641	-3.9	-3.5	-7.4	150.4	5.6	5.2	#N/A	#N/A	-24.7	6.3	12.6	4.0
Năng lượng	0.37	101,737	1.4	1.9	7.2	21.6	19.2	15.6	2.5	2.3	329.5	27.5	14.0	15.2
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	1.37	588,934	1.0	2.0	1.6	22.7	19.9	15.5	4.1	3.6	0.1	22.9	20.7	21.5
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.02	3,431	-1.8	-2.5	-14.2	77.2	5.8	#N/A	0.9	#N/A	37.7	#N/A	10.1	#N/A
Bảo hiểm	-0.23	53,765	-1.6	-2.7	-0.5	8.1	15.1	11.9	1.4	1.3	18.1	27.4	8.4	9.9
Nguyên vật liệu	-2.50	522,734	-1.8	-0.6	-1.1	65.1	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A
Dược phẩm	-0.11	31,701	-1.3	-1.4	-1.8	15.9	11.4	6.6	1.7	1.1	17.9	6.7	13.2	7.7
Bất động sản	-3.45	1,253,408	-1.0	-3.3	-7.4	27.4	25.1	14.5	2.3	1.9	-38.5	44.0	14.2	13.9
Bán lẻ	-0.64	110,184	-2.2	-3.0	0.3	67.9	14.8	12.4	3.7	3.2	34.2	16.4	25.4	25.7
Phần mềm và dịch vụ	-0.15	89,758	-0.7	0.3	0.3	44.1	15.1	13.0	3.5	3.3	31.4	13.1	23.7	25.4
Thiết bị và phần cứng	0.01	9,751	0.3	0.3	-10.3	159.8	13.0	10.7	4.2	3.0	14.4	20.9	23.2	25.4
Vận tải	1.21	213,151	2.3	1.6	9.8	34.1	61.3	24.2	0.5	0.4	59.4	455.2	-189.5	68.4
Tiện ích	2.05	380,731	2.2	3.2	6.1	35.5	14.2	12.3	2.6	2.4	38.7	15.6	14.5	15.6

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GAS VN	116,000	4.5	1,817,900	2.5
SAB VN	167,900	5.2	342,500	1.4
VJC VN	140,000	5.4	1,282,800	1.0
DIG VN	73,800	7.0	6,599,000	0.6
MSN VN	151,600	1.2	925,700	0.5
PLX VN	60,200	1.3	3,147,700	0.3
EIB VN	36,550	2.1	2,257,300	0.2
VHC VN	73,100	6.9	1,511,200	0.2
HVN VN	26,400	0.8	7,858,800	0.1
VIC VN	81,800	0.1	4,973,500	0.1

Nguồn: Bloomberg

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	86,000	-4.4	3,629,100	-4.9
BID VN	44,750	-6.6	7,129,000	-4.1
CTG VN	34,600	-6.0	15,118,300	-2.7
TCB VN	51,500	-4.1	18,771,500	-2.0
MBB VN	32,000	-5.7	27,316,300	-1.9
VPB VN	35,000	-4.4	19,972,100	-1.8
VHM VN	78,100	-2.0	5,093,500	-1.8
STB VN	32,850	-6.9	37,421,900	-1.2
ACB VN	34,000	-4.8	13,153,200	-1.2
TPB VN	40,000	-6.7	7,405,700	-1.2

## Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.